

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: **37/2023/DS-ST**

Ngày 08/8/2023

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thân Văn Bình.

2. Ông Nguyễn Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Triệu Quang Hưng- Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Ước- Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 46/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 68/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị M, sinh năm 1971; Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị O, sinh năm 1975; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Y, tỉnh B- Có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Văn T, sinh năm 1966 (chồng bà M); Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn P, huyện Y, tỉnh B- Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (Bà Vũ Thị M) trình bày:

Bà có quen biết với bà Phạm Thị O, sinh năm 1975; Địa chỉ: Xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh B. Ngày 05/01/2012 bà O có hỏi vay bà số tiền 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng) và 02 cây vàng SJC để bà O mua đất. Bà đồng ý cho bà O vay số tiền

86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng) lãi suất thỏa thuận miệng theo mức lãi suất 1%/1 tháng và 2 cây vàng SJC, bà và bà O thỏa thuận mỗi năm bà O phải trả cho bà thêm 02 chỉ của 01 cây vàng, thời hạn vay không ghi trong giấy nhận nợ, bà O đã đồng ý nên bà đã cho bà O vay theo thỏa thuận. Sau khi bà O nhận tiền và vàng, bà O đã ký nhận nợ vào sổ ghi nợ của bà. Khi hết thời hạn vay, bà đã đòi bà O nhiều lần nhưng bà O cứ khất lần không trả. Vì vậy, bà đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị O phải thanh toán trả cho bà số tiền vay gốc là 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng), lãi của số tiền vay gốc 86 triệu là 115.240.000.000đ (Một trăm mười lăm triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng), tổng cả gốc và lãi của khoản vay là 201.240.000đ (Hai trăm linh một triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng); thanh toán trả 2 cây vàng trị giá bằng tiền (67.000.000đồng/1 cây) là 134.000.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu đồng), lãi của 2 cây vàng là 134.000.000đ (một trăm ba mươi tư triệu đồng), tổng số nợ tiền vàng gốc và lãi là 274.700.000đ (Hai trăm bảy mươi tư triệu bảy trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa, bà yêu cầu bà O phải có trách nhiệm thanh toán trả cho bà số tiền vay gốc là 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng), lãi của số tiền vay gốc 86 triệu đồng theo quy định của pháp luật; và có trách nhiệm trả cho bà trị giá 2 cây vàng SJC (quy ra tiền ở thời điểm hiện nay là 6.700.000đ/1 chỉ), 2 cây vàng = 134.000.000đ (một trăm ba mươi tư triệu đồng); bà rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu bà O phải thanh toán trả cho bà số tiền lãi của 2 cây vàng là 134.000.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu đồng). Ngoài ra, bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn (bà Phạm Thị O) trình bày: Bà xác định có vay số tiền 86 triệu đồng và 02 cây vàng SJC như bà M trình bày là đúng. Tuy nhiên, về số tiền vay gốc 86 triệu đồng, sau khi bà vay bà đã thanh toán trả gốc và lãi cho bà M nhiều lần nhưng bà không biết cụ thể số tiền bà trả cho bà M là bao nhiêu vì giấy tờ về việc bà thanh toán trả tiền gốc và lãi cho bà M bà không giữ mà do bà M lưu giữ toàn bộ nên bà không có tài liệu, chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án, đề nghị bà M cung cấp các tài liệu này cho Tòa án. Tại phiên tòa, bà M không thừa nhận việc bà M lưu giữ các tài liệu thể hiện bà trả một phần tiền gốc và lãi của số tiền vay 86 triệu đồng, bà cũng không có chứng cứ nào để chứng minh. Nay bà xác định vẫn còn nợ tiền vay của bà M nhưng không còn nợ toàn bộ 86 triệu đồng tiền vay gốc nữa mà số nợ gốc đã thấp hơn 86 triệu đồng, còn cụ thể là bao nhiêu bà không rõ, lãi bà thanh toán trả cho bà M nhiều lần, tổng số tiền lãi trả cũng lớn vì trả lãi cao. Vì vậy, bà M có đơn khởi kiện yêu cầu bà phải trả 02 cây vàng SJC quy ra tiền theo giá vàng hiện nay, số tiền vay gốc 86 triệu đồng gốc cộng lãi của 86 triệu đồng, bà chỉ đồng ý thanh toán trả cho bà M 02 cây vàng, số tiền vay gốc còn lại (bà không xác định được cụ thể) nhưng xin được trả dần, vì điều kiện hiện nay của bà rất khó khăn, bà không đồng ý trả số tiền lãi của số tiền vay gốc 86 triệu đồng vì bà đã nhiều lần thanh toán tiền lãi với lãi suất cao cho bà M nên số tiền lãi đã đủ theo mức lãi suất quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Phạm Văn T) trình bày: Đồng ý với ý kiến của Bà Vũ Thị M- vợ ông.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn là bà Phạm Thị O chưa chấp hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều: 471;474; 476; 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều: 275; 463; 466; 468; 469; khoản 2 Điều 357; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị M.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị M yêu cầu bà Phạm Thị O phải thanh toán tiền lãi của 02 cây vàng SJC bà O vay của bà M, số tiền lãi là 134.000.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu đồng).

Buộc bà Phạm Thị O phải có nghĩa vụ thanh toán trả Bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn T số tiền còn nợ là **309.719.500đ (Ba trăm linh chín triệu bảy trăm mười chín nghìn năm trăm đồng)**, trong đó số tiền gốc là: 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng), tiền lãi của số tiền vay gốc 86 triệu đồng là 89.719.500đ (Tám mươi chín triệu bảy trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) và trị giá 02 cây vàng SJC là: 134.000.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu đồng).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị O phải chịu 15.486.000đồng (Mười lăm triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bà Vũ Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà M số tiền 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009118 ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:*

Ông Phạm Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện của Bà Vũ Thị M đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về quan hệ tranh chấp:*

[2].1. Bà Vũ Thị M và bà Phạm Thị O tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền, vàng theo hợp đồng vay đề ngày 05/01/2012, được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu của Bà Vũ Thị M yêu cầu bà Phạm Thị O phải trả số tiền vay gốc là 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng, trị giá 02 cây vàng SJC bằng tiền là 134.000.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu đồng) và lời phản bác của bà Phạm Thị O xác định số tiền còn nợ gốc thấp hơn 86 triệu đồng vì đã trả nhiều lần vào số tiền vay gốc cho bà M, thấy rằng: Bà M xác định sau khi ký kết hợp đồng vay tài sản bà M đã giao đủ cho bà O tổng số tiền là 86 triệu đồng và 02 cây vàng SJC, bà O đã nhận đủ tiền vay và 02 cây vàng SJC. Đến hạn bà M đã nhiều lần yêu cầu bà O thu xếp trả tiền cho bà M nhưng bà O không trả được cho bà M được số tiền và vàng nào. Đối với bà O đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Toà án để làm việc. Tại phiên tòa, bà O có mặt và trình bày có vay của bà M 02 cây vàng SJC và 86 triệu đồng tiền gốc và ký nhận vào sổ ghi nợ của bà M. Nhưng sau khi bà O vay số tiền 86 triệu đồng thì bà O đã trả cho bà M nhiều lần và trừ vào số tiền vay gốc, nhưng không xác định trả được bao nhiêu và còn nợ bao nhiêu tiền gốc do bà O, tuy nhiên bà O không xuất trình được giấy tờ, tài liệu nào chứng minh việc bà O có trả một phần tiền vay gốc cho bà M. bà M lại không thừa nhận và vẫn xác định bà O vẫn còn nợ bà 86 triệu đồng tiền vay gốc và 02 cây vàng SJC- 9999. Hội đồng xét xử xét thấy, tại giấy ghi nợ bà M xuất trình thể hiện rõ bà O ký nhận vay của bà M số tiền 86 triệu đồng và 02 cây vàng vào ngày 05/02/2012, bà O xác định đã trả được một phần tiền vay gốc nhưng không có chứng cứ để chứng minh. Vì vậy, xác định việc bà O còn nợ của bà M số tiền vay gốc là tiền vay gốc là 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng) và 02 cây vàng SJC trị giá thành tiền là 134.000.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu đồng) là có căn cứ, cần buộc bà O phải có trách nhiệm thanh toán trả bà M, ông Tuấn số tiền và vàng này.

[2].3. Xét việc Bà Vũ Thị M tại phiên tòa thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi phát sinh trên số tiền vay gốc 86 triệu đồng, bà M yêu cầu bà O phải trả tiền lãi cho bà M theo quy định của pháp luật và việc bà O không chấp nhận trả lãi cho bà M vì xác định đã trả lãi cho bà M nhiều lần với số tiền lãi cao, thấy rằng: Đối với số tiền bà O vay của bà M ở hợp đồng vay ngày 05/01/2012, trong hợp đồng không ghi lãi, không ghi thời hạn thanh toán, nhưng bà M xác định lãi suất thỏa thuận miệng 1%/tháng, bà O xác định trả lãi cho bà M nhiều lần với lãi suất cao nên xác định là hợp đồng vay không kỳ hạn, có lãi suất. Vì vậy, trong thời hạn của hợp đồng đối với số tiền vay gốc đã phát sinh tiền lãi. Bà O xác định đã trả tiền lãi cho bà M nhiều lần nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy, yêu cầu về lãi của bà M đối với số tiền vay gốc 86 triệu đồng được chấp nhận xem xét để buộc bà O phải thanh toán trả cho bà M theo quy định của pháp luật.

Thời điểm bà M và bà O giao kết hợp đồng là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực pháp luật, vì vậy giao dịch dân sự giữa bà M và bà O được áp dụng quy định về lãi suất theo khoản 5 Điều 474 và khoản 2 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005. Bà O phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ. Tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày

29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Do đó bà O phải có trách nhiệm trả lãi trên số nợ gốc 86.000.000đ kể từ ngày 05/01/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm 08/8/2023, lãi của hợp đồng vay được xác định như sau:

+ Số tiền gốc 86.000.000đ, lãi tính từ ngày 05/01/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm: 08/8/2023 là 139 tháng 03 ngày, số tiền lãi là $\{(86.000.000đ \times 9\% \times 139 \text{ tháng} : 12 = 89.655.000đ) + (86.000.000đ \times 9\% : 12 \times 03 \text{ ngày} : 30 = 64.500đ)\} = 89.719.500đ$ (Tám mươi chín triệu bảy trăm mười chín nghìn năm trăm đồng).

Như vậy, số tiền bà O còn nợ của bà M tiền vay gốc, tiền lãi của hợp đồng được xác định là: 86.000.000đ + 89.719.500đ + trị giá 02 cây vàng SJC là 134.000.000đ = 309.719.500đ (Ba trăm linh chín triệu bảy trăm mười chín nghìn năm trăm đồng), cần buộc bà Phạm Thị O phải có nghĩa vụ thanh toán trả cho Bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn T.

[2].4. Xét việc tại phiên tòa Bà Vũ Thị M rút một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi đối với phần yêu cầu bà Phạm Thị O phải trả lãi suất của 02 vàng là 134.000.000đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái với pháp luật, cần đình chỉ một phần đối với yêu cầu khởi kiện này của bà M.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của Bà Vũ Thị M được chấp nhận, vì vậy Bà Vũ Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phạm Thị O phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều: 471; 474; 476; 477 của Bộ luật dân sự năm 2005; các Điều: 275; 463; 466; 468; 469; khoản 2 Điều 357; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228; khoản 2 Điều 244; Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị M.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Vũ Thị M yêu cầu bà Phạm Thị O phải thanh toán tiền lãi của 02 cây vàng SJC bà O vay của bà M, số tiền lãi là 134.000.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu đồng).

Buộc bà Phạm Thị O phải có nghĩa vụ thanh toán trả Bà Vũ Thị M và ông Phạm Văn T số tiền còn nợ là **309.719.500đ (Ba trăm linh chín triệu bảy trăm mười chín nghìn năm trăm đồng)**, trong đó số tiền gốc là: 86.000.000đ (Tám mươi sáu triệu đồng), tiền lãi của số tiền vay gốc 86 triệu đồng là 89.719.500đ (Tám mươi chín triệu bảy trăm mười chín nghìn năm trăm đồng) và trị giá 02 cây vàng SJC là: 134.000.000đ (Một trăm ba mươi tư triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị

O phải chịu 15.486.000đồng (Mười lăm triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Bà Vũ Thị M không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà M số tiền 6.700.000đ (Sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009118 ngày 03/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thế.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Toàn